

Báo cáo cập nhật KQKD Q2/2026 – SHS

HNX · Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)



DOANH THU HOẠT ĐỘNG

450

tỷ đồng · -35,1% YoY

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

90

tỷ đồng · -80,6% YoY

VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.544

tỷ đồng · +12,1% YoY

DƯ NỢ CHO VAY MARGIN

11.722

tỷ đồng · +87,0% YoY

VỐN HÓA (14/08/2026)

13.762

tỷ đồng · giá ~15.300đ

ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 2

Q2/2026, SHS ghi nhận doanh thu hoạt động **450 tỷ đồng (-35% YoY)** và LNTT **90 tỷ đồng (-81% YoY)**, chủ yếu do mảng **tự doanh** suy giảm mạnh trong bối cảnh thị trường biến động. Trong khi đó, các mảng cốt lõi như margin và môi giới vẫn duy trì tăng trưởng, nhưng chưa đủ bù đắp tác động từ tự doanh và chi phí vốn tăng cao. **TCBS Research đánh giá KQKD Q2/2026 của SHS kém tích cực** và cho rằng KQKD các quý tới vẫn chịu áp lực nếu thị trường tiếp tục điều chỉnh và thanh khoản suy yếu. **Định giá hiện tại ở mức hợp lý** với P/E 13,7 lần và P/B 1,1 lần, thấp hơn mức bình quân lần lượt 14,2 lần và 1,6 lần của nhóm 10 CTCK lớn nhất, nhưng đã phản ánh tương đối đầy đủ mức sinh lợi thấp hơn mặt bằng chung, thể hiện qua ROE 8,5%, thấp nhất nhóm. Do đó, nhà đầu tư nên tiếp tục quan sát thêm đối với cổ phiếu SHS.

Lợi nhuận trước thuế theo quý · tỷ đồng



% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM

Doanh thu · 1.015 / 3.739 tỷ **27,1%**LNTT · 370 / 1.718 tỷ **21,5%**

VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.736 → 12.544 tỷ đồng

-1,5% QoQ · lỗ đánh giá lại AFS 228 tỷ

DƯ NỢ CHO VAY MARGIN

10.502 → 11.722 tỷ đồng

+11,6% QoQ · mức cao nhất lịch sử

ĐIỂM NHẤN

+108,9% Margin thành trụ cột doanh thu
YoY 319 tỷ đồng · 70,8% doanh thu · dư nợ 11.722 tỷ**+59,0%** Bảng cân đối mở rộng nhanh
YoY Tổng tài sản 27.567 tỷ · danh mục đầu tư 13.501 tỷ**+17,0%** Môi giới giữ đà tăng
YoY 88 tỷ đồng · tư vấn tài chính thêm 68 tỷ đồng trong quý

CẦN THEO DÕI

-825 Lỗ đánh giá lại danh mục FVTPL
TỶ Kéo doanh thu tự doanh xuống âm 32 tỷ đồng trong quý**+273,5%** Chi phí lãi vay tăng nhanh
YoY 196 tỷ đồng · nợ vay 14.496 tỷ (+199,7% YoY)**-152** Thu nhập toàn diện âm
TỶ Lỗ đánh giá lại AFS 228 tỷ làm VCSH giảm 1,5% QoQ

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG 2026

Dự phóng cả năm 2026 đặt doanh thu hoạt động ở **2.265 tỷ đồng (-38,3% YoY)** và LNST **746 tỷ đồng (-44,5% YoY)**, tương ứng EPS **829 đồng** và ROE **5,7%**. So với kết quả 6 tháng, nửa cuối năm cần mang về **1.250 tỷ đồng** doanh thu và **438 tỷ đồng** LNST. Động lực chính vẫn là cho vay margin: dư nợ dự phóng đạt **13.047 tỷ đồng** cuối 2026 (+11,3% so với cuối Q2/2026), và với vốn chủ sở hữu dự phóng **13.700 tỷ đồng** cùng phương án tăng vốn điều lệ lên **10.064 tỷ đồng**, trần cho vay 2 lần VCSH vẫn còn nhiều dư địa. Ở chiều ngược lại, nợ vay dự phóng **15.820 tỷ đồng** tiếp tục đẩy chi phí lãi vay lên, còn danh mục FVTPL **11.334 tỷ đồng** (41,1% tổng tài sản) giữ kết quả tự doanh gắn chặt với biến động thị trường cổ phiếu.

DỰ PHÓNG CẢ NĂM 2026

DOANH THU HOẠT ĐỘNG

2.265

tỷ đồng · -38,3% YoY

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

746

tỷ đồng · -44,5% YoY

DƯ NỢ CHO VAY MARGIN

13.047

tỷ đồng · dự phóng

P/E DỰ PHÓNG

18,4

lần · 2026F

P/B DỰ PHÓNG

1,0

lần · 2026F

1. Đánh giá của TCBS

TCBS Research đánh giá KQKD Q2/2026 của SHS **kém tích cực**, nhưng nguyên nhân chủ yếu tập trung ở mảng tự doanh. Doanh thu hoạt động đạt **450 tỷ đồng (-35,1% YoY, -20,3% QoQ)** và LNTT đạt **90 tỷ đồng (-80,6% YoY, -68,0% QoQ)**. Toàn bộ mức sụt giảm so với cùng kỳ đến từ **tự doanh**: SHS ghi nhận **694 tỷ đồng** lãi thực hiện từ bán tài sản FVTPL, gấp 4,5 lần cùng kỳ, nhưng khoản lỗ đánh giá lại danh mục **825 tỷ đồng** đã đảo ngược kết quả, khiến doanh thu tự doanh **âm 32 tỷ đồng**, so với 447 tỷ đồng trong Q2/2025. Trong khi đó, ba mảng còn lại đều tăng trưởng, với cho vay margin đạt **319 tỷ đồng (+108,9% YoY)**, môi giới và lưu ký **88 tỷ đồng (+17,0% YoY)** và tư vấn tài chính **68 tỷ đồng**, so với 13 tỷ đồng cùng kỳ. Tổng thu nhập từ các mảng không phụ thuộc đánh giá lại danh mục đạt **482 tỷ đồng**, tăng 95,1% YoY.

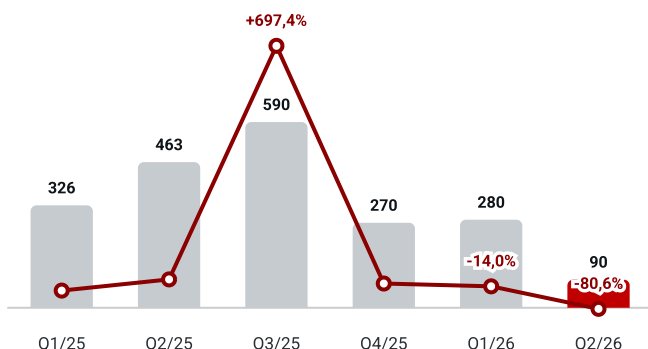
Bảng cân đối mở rộng nhanh hơn đáng kể so với nền vốn. Tổng tài sản đạt **27.567 tỷ đồng (+59,0% YoY)**, trong đó dư nợ margin đạt **11.722 tỷ đồng** và danh mục đầu tư **13.501 tỷ đồng**. Phần tăng trưởng này chủ yếu được tài trợ bằng nợ vay ngắn hạn, tăng lên **14.496 tỷ đồng** từ 4.837 tỷ đồng một năm trước, kéo chi phí lãi vay lên **196 tỷ đồng** và trở thành khoản chi lớn nhất ngoài chi phí hoạt động. Vốn chủ sở hữu đạt **12.544 tỷ đồng**, giảm 1,5% so với cuối Q1/2026 do khoản lỗ đánh giá lại tài sản AFS **228 tỷ đồng** ghi nhận vào thu nhập toàn diện; theo đó, tổng thu nhập toàn diện quý này **âm 152 tỷ đồng** dù LNST vẫn dương. Tỷ lệ margin trên vốn chủ sở hữu tăng lên **0,9 lần**, cao nhất trong sáu quý gần đây nhưng vẫn dưới mức trần 2 lần theo quy định.

ĐIỂM CHÍNH

- 01 Cho vay margin trở thành trụ cột** — Doanh thu margin đạt 319 tỷ đồng (+108,9% YoY), chiếm 70,8% doanh thu hoạt động, so với 22,0% cùng kỳ. Dư nợ cuối quý đạt 11.722 tỷ đồng, mức cao nhất từ trước đến nay.
- 02 Tự doanh bào mòn phần lớn lợi nhuận** — Lãi bán tài sản FVTPL đạt 694 tỷ đồng, nhưng lỗ đánh giá lại 825 tỷ đồng, khiến doanh thu mảng này âm 32 tỷ đồng. Danh mục FVTPL đạt 11.334 tỷ đồng, tương đương 41,1% tổng tài sản.
- 03 Chi phí vốn tăng nhanh hơn dư nợ** — Nợ vay đạt 14.496 tỷ đồng (+199,7% YoY), trong khi vốn chủ sở hữu chỉ tăng 12,1%. Chi phí lãi vay 196 tỷ đồng, tương đương 64,7% lãi gộp hoạt động trong quý.
- 04 Tiến độ kế hoạch còn thấp** — Lũy kế 6T/2026, SHS mới hoàn thành 27,1% kế hoạch doanh thu và 21,5% kế hoạch LNTT. ROE 12 tháng giảm xuống 8,0%, từ 10,4% cuối Q1/2026.

Lợi nhuận trước thuế theo quý

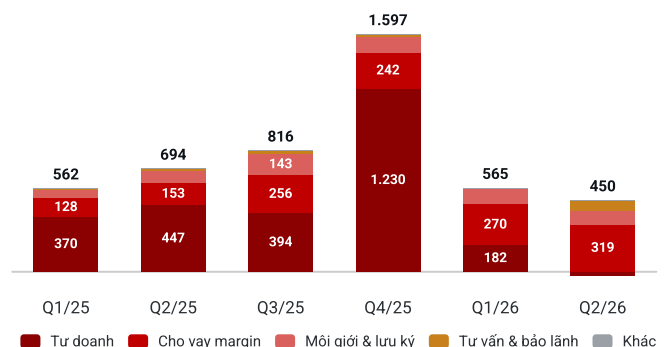
Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

Cơ cấu doanh thu hoạt động theo quý

Tỷ đồng · theo 5 mảng kinh doanh



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

2. Phân tích các chỉ số tài chính

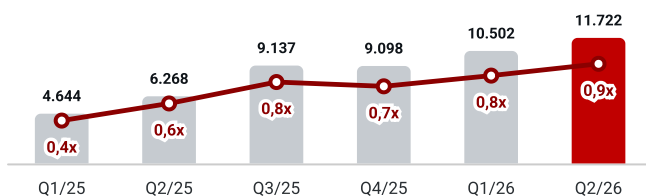
2.1. Cho vay margin & nguồn vốn

Margin duy trì tăng trưởng sáu quý liên tiếp và trở thành động lực chính của doanh thu. Dư nợ cho vay đạt **11.722 tỷ đồng** cuối Q2/2026 (+11,6% QoQ, +87,0% YoY), mang về **319 tỷ đồng** doanh thu (+108,9% YoY), chiếm **70,8%** doanh thu hoạt động.

- **Lợi suất cho vay ổn định** — Lợi suất margin quy năm đạt 11,5%, duy trì trong biên 10,6%-13,3% suốt sáu quý, cho thấy tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ mở rộng dư nợ thay vì tăng lãi suất.
- **Dư địa tăng trưởng còn lớn** — Tỷ lệ margin/VCSH ở mức 0,9 lần, tương ứng dư địa cho vay thêm khoảng 13.400 tỷ đồng theo trần 2 lần vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn điều lệ lên 10.064 tỷ đồng đã được ĐHCĐ thông qua sẽ tiếp tục mở rộng hạn mức này.
- **Biên lãi chịu áp lực** — Lãi vay bình quân tăng từ 5,3% lên 6,8%, trong khi lợi suất cho vay chỉ tăng nhẹ từ 11,2% lên 11,5%. Với toàn bộ 14.496 tỷ đồng nợ vay là ngắn hạn, chi phí vốn của SHS sẽ nhạy cảm với diễn biến lãi suất liên ngân hàng.

■ Dư nợ margin & đòn bẩy margin/VCSH

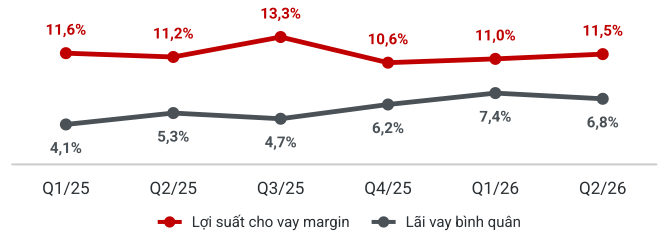
Cột: tỷ đồng · đường: lần



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

■ Lợi suất cho vay margin & lãi vay bình quân

% · quy năm từ số liệu quý



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

2.2. Tự doanh & danh mục đầu tư

Tự doanh đảo chiều do đánh giá lại danh mục, không phải do bán lỗ. SHS ghi nhận **694 tỷ đồng** lãi bán tài sản FVTPL trong Q2/2026, gấp 4,5 lần cùng kỳ, cùng **98 tỷ đồng** cổ tức và tiền lãi. Tuy nhiên, khoản lỗ đánh giá lại **825 tỷ đồng** đã kéo doanh thu tự doanh xuống âm **32 tỷ đồng**.

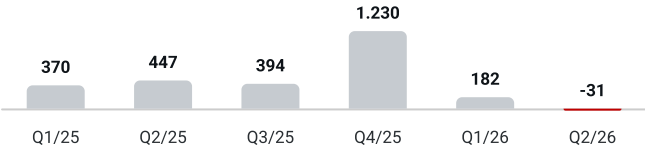
- **Danh mục chuyển dịch sang trái phiếu** — Giá trị trái phiếu trong FVTPL tăng từ 4.939 tỷ đồng lên 8.031 tỷ đồng trong 6T/2026, nâng tỷ trọng từ 43,7% lên 70,9%, trong khi cổ phiếu giảm từ 5.613 tỷ đồng xuống 3.236 tỷ đồng. Xu hướng này cho thấy SHS đang giảm tỷ trọng tài sản nhạy cảm với biến động thị trường, qua đó hạn chế rủi ro biến động danh mục.
- **Lãi chưa thực hiện bị bào mòn mạnh** — Chênh lệch đánh giá ròng FVTPL giảm còn 128 tỷ đồng cuối Q2/2026, từ 907 tỷ đồng đầu năm. Trong quý, 912 tỷ đồng lợi nhuận thực hiện gần như bị triệt tiêu bởi 822 tỷ đồng lỗ chưa thực hiện.
- **Rủi ro AFS tập trung** — Cổ phiếu SHB chiếm 911 tỷ đồng trên tổng 1.418 tỷ đồng danh mục AFS và giảm từ 1.099 tỷ đồng đầu năm, là nguồn chính của khoản lỗ đánh giá lại 228 tỷ đồng ghi nhận vào thu nhập toàn diện. Khoản đầu tư TCD có giá vốn 200 tỷ đồng hiện chỉ còn 25 tỷ đồng theo giá thị trường.
- **Thị trường điều chỉnh trong Q3 tiếp tục gây áp lực lên tự doanh** — VN-Index lùi từ 1.860 điểm cuối Q2/2026 về 1.729 điểm ngày 14/08/2026, giảm 7,0%, còn thanh khoản bình quân trên HOSE, gồm cả khớp lệnh và thỏa thuận, giảm 20,0% về 17.773 tỷ đồng/phiên từ 22.215 tỷ đồng trong Q2. TCBS Research đánh giá mảng tự doanh có thể tiếp tục ảnh hưởng do biến động bất lợi của thị trường.

Danh mục cổ phiếu tại 30/06/2026 (tỷ đồng)

Mã	Giá vốn	Giá thị trường 30/06/2026	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện	% giá vốn	Giá thị trường 01/01/2026
FVTPL - cổ phiếu					
MWG	176	169	(7)	-3,9%	-
HPG	133	127	(6)	-4,8%	188
CTG	129	124	(5)	-3,8%	161
HCM	22	33	10	+47,0%	37
Cổ phiếu khác	2.585	2.784	199	+7,7%	5.226
Cộng cổ phiếu FVTPL	3.045	3.236	191	+6,3%	5.613
AFS - cổ phiếu					
SHB	275	911	635	+230,9%	1.099
TCD	200	25	(175)	-87,7%	25
Cổ phiếu khác	455	483	27	+6,0%	413
Cộng cổ phiếu AFS	931	1.418	487	+52,4%	1.536
TỔNG DANH MỤC CỔ PHIẾU	3.976	4.654	679	+17,1%	7.149

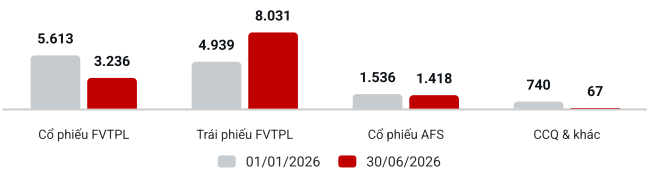
Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán. Lãi/(lỗ) chưa thực hiện = giá trị thị trường trừ giá vốn. MWG là khoản mới mua trong 6 tháng đầu năm.

Doanh thu tự doanh theo quý
Tỷ đồng



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

Cơ cấu danh mục tài sản tài chính
Tỷ đồng · giá trị thị trường · tổng 12.828 → 12.752



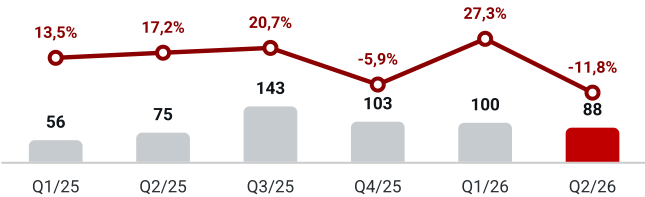
Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp

2.3. Môi giới & áp lực cạnh tranh phí

Môi giới tăng trưởng nhưng biên lợi nhuận suy giảm. Doanh thu môi giới và lưu ký đạt **88 tỷ đồng (+17,0% YoY)**, giảm 12,5% QoQ. Tuy nhiên, chi phí môi giới **98 tỷ đồng** vượt doanh thu, khiến biên lãi gộp chuyển âm **11,8%**, từ 27,3% quý trước.

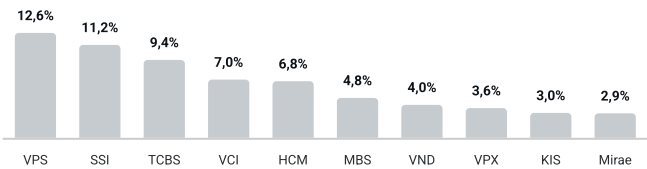
- Biên gộp biến động mạnh** – Biên lãi gộp môi giới dao động từ -11,8% đến 27,3% trong sáu quý gần nhất, cho thấy chi phí môi giới và giao dịch đang gây áp lực lên hiệu quả mảng này.
- Thị phần còn hạn chế** – SHS không nằm trong Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả HOSE và HNX trong Q2/2026, cho thấy khả năng cạnh tranh về thị phần vẫn tương đối hạn chế.
- Môi giới chủ yếu hỗ trợ margin** – Với 19,5% doanh thu hoạt động và biên gộp âm, mảng môi giới hiện đóng vai trò thu hút và duy trì khách hàng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng dư nợ margin, hơn là đóng góp trực tiếp vào lợi nhuận.

Doanh thu môi giới & biên lãi gộp
Cột: tỷ đồng · đường: biên gộp (%)



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

Thị phần môi giới HOSE Q2/2026 – Top 10
% giá trị giao dịch · SHS nằm ngoài Top 10



Nguồn: HOSE, TCBS tổng hợp

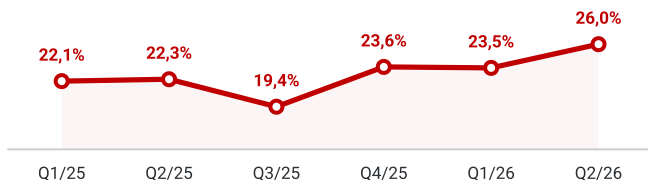
2.4. Hiệu quả chi phí & khả năng sinh lời

Hiệu quả chi phí suy giảm chủ yếu do thu nhập giảm, không phải chi phí tăng mạnh. CIR lũy kế 12 tháng tăng lên **26,0%** cuối Q2/2026 từ 22,3% cùng kỳ, trong khi ROE lùi về **8,0%** từ mức đỉnh 11,7% tại Q3/2025. Chi phí quản lý quý chỉ **18 tỷ đồng**, thấp nhất trong sáu quý.

- **CIR tăng do thu nhập thu hẹp** — Thu nhập hoạt động thuần lũy kế 12 tháng giảm do kết quả tự doanh kém tích cực, trong khi chi phí môi giới và quản lý tương đối ổn định, khiến CIR tăng 3,7 điểm % YoY.
- **Lợi nhuận trở lại vùng giữa 2024** — LNST lũy kế 12 tháng đạt 1.005 tỷ đồng, giảm từ 1.312 tỷ đồng cuối Q1/2026 và tương đương mức giữa 2024.
- **Chi phí vốn là yếu tố cần theo dõi** — Chi phí lãi vay 196 tỷ đồng, tương đương 64,7% lãi gộp hoạt động 303 tỷ đồng. Nếu dư nợ margin tiếp tục tăng bằng vốn vay, biên lợi nhuận sẽ phụ thuộc đáng kể vào chênh lệch giữa lợi suất cho vay 11,5% và lãi vay bình quân 6,8%.

■ CIR lũy kế 12 tháng

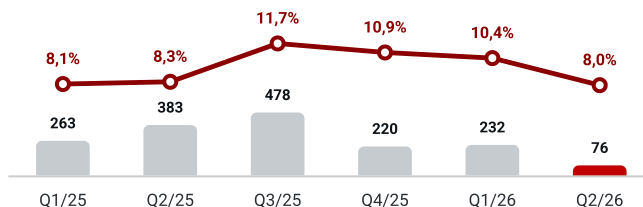
% · chi phí (ngoài tự doanh) / thu nhập HĐ thuần



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

■ LNST theo quý & ROE lũy kế 12 tháng

Cột: tỷ đồng · đường: %



Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán

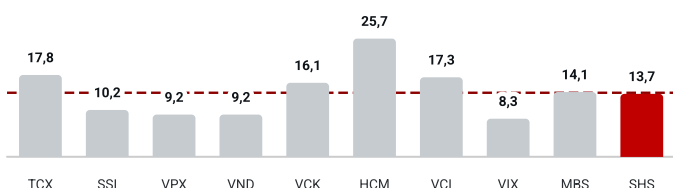
2.5. Định giá và so sánh

SHS giao dịch dưới mức bình quân nhóm ở cả P/E và P/B, nhưng đi kèm ROE thấp nhất nhóm. Cổ phiếu đang giao dịch tại **P/E 13,7 lần** và **P/B 1,1 lần**, thấp hơn mức bình quân **14,2 lần** và **1,6 lần** của 10 CTCK có tổng tài sản lớn nhất. ROE **8,5%** theo bộ dữ liệu so sánh ngành cũng là mức thấp nhất nhóm.

- **Quy mô nhỏ nhất Top 10** — Tổng tài sản đạt 27.567 tỷ đồng, tương đương khoảng 27% quy mô của công ty dẫn đầu và thấp hơn MBS (34.155 tỷ đồng) ở vị trí liền trên.
- **P/B thấp phản ánh khả năng sinh lời thấp** — P/B 1,1 lần, chỉ cao hơn VIX (1,0 lần), trong khi ROE 8,5% thấp hơn đáng kể mức bình quân nhóm 14,0%. Mức chiết khấu định giá theo đó tương đối phù hợp với chênh lệch về hiệu quả sử dụng vốn.
- **P/E cần được nhìn cùng chất lượng lợi nhuận** — P/E 13,7 lần được tính trên LNST lũy kế 12 tháng 1.005 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận từ đánh giá lại danh mục có mức độ biến động cao giữa các quý, khiến chỉ số này chưa phản ánh đầy đủ tính ổn định của lợi nhuận.
- **So với lịch sử định giá của SHS** — P/E 13,7 lần và P/B 1,1 lần đều thấp hơn đáng kể mức bình quân 5 năm, lần lượt 20,6 lần và 1,6 lần. Tuy nhiên, ROE lũy kế 12 tháng chỉ 8,0%, thấp hơn mức bình quân 5 năm 11,7%, cho thấy mức chiết khấu định giá hiện tại chủ yếu phản ánh sự suy giảm về khả năng sinh lời.

■ P/E — Top 10 CTCK theo tổng tài sản

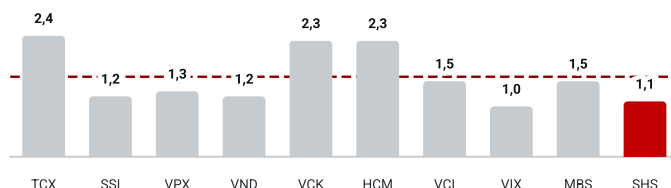
Lần · đường đứt: bình quân nhóm 14,2



Nguồn: TCBS tính toán

■ P/B — Top 10 CTCK theo tổng tài sản

Lần · đường đứt: bình quân nhóm 1,6



Nguồn: TCBS tính toán

3. Phụ lục – Số liệu BCTC Q2/2026

Trích lược BCĐKT phân loại & KQKD theo mảng · đơn vị: tỷ đồng

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25	Q1/26	Q2/26
Tiền & tương đương tiền	660	791	665	888	587	958
Đầu tư ngắn hạn (FVTPL+HTM+AFS)	9.580	9.968	10.189	12.828	10.986	13.501
• Tài sản FVTPL	8.805	9.174	9.020	11.292	9.542	11.334
• Nắm giữ đến đáo hạn (HTM)	0	0	0	0	0	750
• Sẵn sàng để bán (AFS)	776	794	1.169	1.536	1.444	1.418
Cho vay margin	4.644	6.268	9.137	9.098	10.502	11.722
Phải thu	241	187	162	84	164	1.251
Tài sản cố định	35	33	34	42	43	51
Tài sản khác	98	85	87	93	87	83
TỔNG TÀI SẢN	15.258	17.333	20.274	23.032	22.367	27.567
Nợ vay & trái phiếu ngắn hạn	3.034	4.837	7.325	9.350	8.512	14.496
Nợ vay & trái phiếu dài hạn	0	0	0	0	0	0
Nợ phải trả khác	587	1.311	911	1.080	1.120	527
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	3.621	6.148	8.236	10.430	9.631	15.023
Vốn điều lệ	8.132	8.945	8.945	8.995	8.995	8.995
LN giữ lại & các quỹ	2.717	1.763	2.241	2.461	2.693	2.728
Vốn khác	788	477	852	1.147	1.049	821
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11.637	11.185	12.037	12.602	12.736	12.544

Kết quả kinh doanh theo mảng (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25	Q1/26	Q2/26
DT tự doanh	370	447	394	1.230	182	(31)
DT cho vay margin	128	153	256	242	270	319
DT môi giới & lưu ký	56	75	143	103	100	88
DT tư vấn & bảo lãnh phát hành	8	18	20	18	7	69
DT khác	0	1	4	4	6	6
Tổng doanh thu hoạt động	562	694	816	1.597	565	450
Chi phí hoạt động	(180)	(156)	(120)	(1.123)	(92)	(147)
Lãi gộp hoạt động	382	538	696	474	473	303
Doanh thu tài chính	1	1	1	2	1	1
Chi phí tài chính (lãi vay)	(27)	(53)	(72)	(131)	(166)	(196)
Chi phí quản lý	(30)	(23)	(35)	(75)	(28)	(18)
Lợi nhuận trước thuế	326	463	590	270	280	90
Lợi nhuận sau thuế	263	383	478	220	232	76
Thu nhập toàn diện	426	401	853	515	134	(152)

Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán.

Phụ lục – Mô hình tài chính & dự phóng theo năm · 2021–2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các dòng tỷ lệ, lần, %, số ngày) · Cột 2026–2030 là số liệu dự phóng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS				
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng cổ phiếu (triệu)	325,3	813,2	813,2	813,2	899,5	1.006,4	1.051,4	1.096,4	1.141,4	1.186,3
P/E (lần)	14,5	39,4	25,7	9,6	13,8	18,4	16,0	13,6	12,5	11,5
EPS (đồng/cp)	1.552	180	621	1.129	1.493	829	958	1.127	1.222	1.325
P/B (lần)	3,3	0,7	1,4	0,9	1,5	1,0	1,0	0,9	0,9	0,9
BVPS (đồng/cp)	6.732	10.490	11.410	12.464	14.010	15.231	15.605	16.124	16.712	17.377
EV/EBITDA (lần)	4,0	33,2	17,3	10,0	11,6	14,6	13,0	12,2	11,4	10,6
ROE	30,1%	2,1%	5,7%	9,5%	11,3%	5,7%	6,2%	7,1%	7,4%	7,8%
Biên lợi nhuận gộp	71,2%	29,4%	58,5%	71,6%	57,0%	85,8%	85,8%	85,8%	85,8%	85,8%
Biên lợi nhuận hoạt động	65,5%	23,0%	50,6%	65,1%	52,5%	78,9%	78,9%	78,9%	78,9%	78,9%
Biên lợi nhuận ròng	48,2%	10,5%	38,3%	51,0%	36,6%	32,9%	34,0%	37,4%	37,9%	38,4%
Doanh thu / Tài sản	0,3	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
(Vay - Tiền) / Vốn CSH	0,5	0,0	0,0	0,1	0,7	0,9	1,0	1,0	1,0	0,9
Vay ngắn hạn / Vay dài hạn	6,7	-	-	-	-	-	-	-	-	-
EBIT / Lãi vay (lần)	12,8	2,2	12,7	20,6	6,9	2,0	2,1	2,4	2,4	2,5
Vay / EBITDA (lần)	0,9	4,4	0,9	1,2	2,7	6,7	7,6	7,1	7,0	6,9
Số ngày phải thu	665	1.905	2.466	1.968	1.189	-	-	-	-	-
Số ngày tồn kho	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Capex / Tài sản cố định	87,1%	52,0%	56,4%	61,7%	50,8%	45,9%	46,6%	44,1%	48,6%	51,1%
Doanh thu thuần	2.895	1.543	1.460	1.991	3.668	2.265	2.537	2.714	2.904	3.108
Tăng trưởng doanh thu	-	-46,7%	-5,3%	+36,4%	+84,2%	-38,3%	+12,0%	+7,0%	+7,0%	+7,0%
EBITDA	1.905	367	751	1.311	1.942	1.802	2.019	2.161	2.314	2.477
LNST cổ đông công ty mẹ	1.396	162	559	1.016	1.343	746	862	1.014	1.100	1.192
Tăng trưởng lợi nhuận	-	-88,4%	+244,8%	+81,6%	+32,3%	-44,5%	+15,6%	+17,6%	+8,4%	+8,4%
Tiền & đầu tư ngắn hạn	4.055	6.951	6.545	9.438	13.715	30.520	30.195	31.497	32.907	34.432
Phải thu ngắn hạn	962	1.505	998	268	84	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	10.911	10.900	11.457	14.028	23.032	30.697	30.384	31.694	33.111	34.644
Vay ngắn hạn	3.348	1.067	892	2.141	9.350	15.820	15.029	15.780	16.569	17.398
Vay dài hạn	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng vay	3.848	1.067	892	2.141	9.350	15.820	15.029	15.780	16.569	17.398
Tổng nợ	4.855	1.464	1.194	2.817	10.430	16.997	16.347	17.191	18.079	19.013
Vốn chủ sở hữu	6.056	9.436	10.264	11.211	12.602	13.700	14.037	14.503	15.032	15.631
Cân đối vốn dài hạn	6.634	9.467	10.265	11.209	12.700	13.719	14.066	14.540	15.078	15.687
Dòng tiền tự do (FCF)	(3.157)	(740)	(17)	(1.424)	(6.244)	551	1.745	1.821	1.947	2.085

Nguồn: SHS, TCBS tổng hợp và tính toán.

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.